

HỢP TÁC VIỆT - LÀO TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TS. NGUYỄN KHẮC BÌNH*

1. Hợp tác Việt Nam - Lào đào tạo (ĐT) nguồn nhân lực (NNL)

Trước năm 1991, Việt Nam và Lào chưa kí kết chính thức Hiệp định hợp tác về giáo dục - đào tạo (GD-ĐT). Mọi hoạt động hợp tác trong lĩnh vực giáo dục mới chỉ mang tính chất "ngành giáo dục Việt Nam giúp đỡ ngành giáo dục Lào", chưa ở tầm hợp tác giữa hai Nhà nước.

Từ 1958-1964, Việt Nam đã ĐT 3.104 lưu học sinh (LHS) Lào theo các hệ bổ túc văn hoá, ĐT giáo viên. Thời kì này vấn đề chất lượng và kế hoạch chưa được đặt ra. Việt Nam đáp ứng mọi yêu cầu mà bạn đề nghị.

Năm 1992, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào đã kí kết Hiệp định giúp đỡ nhau ĐT cán bộ, chấm dứt giai đoạn "ngành giúp ngành" trong công tác ĐT. Hai bên quyết định không ĐT LHS trình độ phổ thông mà tập trung ĐT cán bộ hệ đại học và sau đại học. Hiệp định tương đương bằng cấp, học hàm học vị cũng đã được hai Chính phủ kí kết ngày 16/3/1989 tại Viên Chăn.

Từ 1991-1995, hai nước đã dành 69% số vốn viện trợ của Việt Nam để ĐT 1.540 LHS Lào hệ dài hạn ở các bậc trung học, đại học và sau đại học tại Việt Nam. Từ 1996-2000, Việt Nam đã tiếp nhận ĐT 2.256 cán bộ, LHS Lào. Trong đó, hệ dài hạn là 1.356 người, ngắn hạn 900 người. Gần một nửa số vốn viện trợ (46,29%) được dành cho GD-ĐT, trong đó 2/3 dành để ĐT cán bộ, LHS Lào tại Việt Nam và 1/3 dành để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục trên đất Lào.

Giai đoạn 2001-2005, Việt Nam đã tiếp nhận 3.360 LHS, trong đó hệ dài hạn là 2.434 người (72,44%), ngắn hạn 926 người (27,56%) tăng 12,94% so với thỏa thuận tại Hiệp định hợp tác (thỏa thuận đã kí kết là 2.975 người), LHS Lào được ĐT tại 76 cơ sở ĐT. Giai đoạn từ năm 2006-2010, mỗi năm số lượng LHS Lào được gửi sang ĐT tại Việt Nam theo diện Hiệp định, duy trì từ 550-650 người. Bắt đầu từ giai đoạn này, thực hiện chủ trương của hai Chính phủ "hợp tác ĐT trên nhiều kênh, nhiều hình thức; coi trọng hợp tác ĐT giữa các địa phương, các cơ sở ĐT và các

doanh nghiệp nhằm xây dựng nền tảng mới cho sự phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu hợp tác và phát triển kinh tế mỗi nước", số LHS Lào được gửi sang ĐT tại Việt Nam rất đa dạng và phong phú về hình thức cũng như quy mô ĐT.

Tính tới thời điểm cuối tháng 11/2012, số LHS Lào hiện đang học tập ở Việt Nam khoảng 4.800 người. Ngoài ra, hàng năm Việt Nam còn nhận hàng trăm cán bộ cấp cao thuộc các bộ, ngành trung ương của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (CHDCND Lào) sang tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn từ 3-6 tháng tại các trung tâm, học viện cao cấp của Việt Nam.

2. Các hoạt động hợp tác giáo dục khác

Song song với công tác ĐT phát triển NNL cho Lào, thực hiện chủ trương của hai Nhà nước, hai bên không ngừng mở rộng sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau với nhiều chương trình hợp tác như xây dựng cơ sở vật chất trường học, biên soạn chương trình tài liệu giảng dạy và hỗ trợ chuyên gia và hợp tác nghiên cứu khoa học.

1) Công tác xây dựng cơ sở vật chất. Trên cơ sở các Hiệp định hợp tác đã được kí kết, từ năm 1995 đến nay, bằng nguồn vốn của Chính phủ Việt Nam viện trợ cho Lào, Bộ GD-ĐT Việt Nam đã giúp Lào xây dựng: 6 trường dân tộc nội trú (DTNT), gồm: Trường DTNT tỉnh Xa Vẳn Na Khệt, Trường DTNT tỉnh U Đôm Xay, Trường DTNT tỉnh Chăm Pa Sắc, Trường DTNT tỉnh Sê Kông, Trường DTNT tỉnh Hủa Phăn (do tỉnh Sơn La làm chủ đầu tư) và Trường DTNT tỉnh Xiêng Khoảng; 1 kí túc xá cho LHS nước ngoài tại Đại học quốc gia Viên Chăn; 1 Trường năng khiếu và dự bị đại học Viên Chăn; 3 Trường PTTH: Trường PTTH Hữu nghị Lào - Việt Nam (quà tặng của nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cho Thủ đô Viên Chăn), Trường PTTH Luông Nặm Thà (do tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ đầu tư), Trường PTTH tỉnh Luông Pha Bông.

Hệ thống các trường nêu trên đã tạo điều kiện cho con em các bộ tộc Lào được tập trung học tập, góp phần cải thiện đời sống, văn hóa cho nhân dân

* Vụ Giáo dục đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo

các bộ tộc Lào tại các vùng sâu, vùng xa, nơi ĐT đội ngũ cán bộ nguồn tương lai cho Lào.

2) Công tác hỗ trợ chuyên gia và cử giáo viên sang dạy tiếng Việt tại Lào. Ngay trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào, để giúp xây dựng hệ thống giáo dục tại vùng giải phóng, Việt Nam đã cử hàng trăm lượt chuyên gia sang giúp Lào xây dựng Trường Đại học Sư phạm đầu tiên tại vùng giải phóng Lào (Na Khao, Sầm Nưa). Sau ngày đất nước Lào được giải phóng, các chuyên gia giáo dục Việt Nam tiếp tục sang giúp về biên soạn sách giáo khoa, hiệu đính chương trình giảng dạy ở các bậc học từ phổ thông đến đại học. Trong những năm gần đây do nhu cầu học tiếng Việt ngày càng cao Bộ GD-ĐT đã cử các GV sang giảng dạy tiếng Việt và các môn khoa học tự nhiên.

3) Cung cấp chương trình, tài liệu và sách giáo khoa. Bộ GD-ĐT Việt Nam đã cung cấp đáp ứng kịp thời các yêu cầu của Lào về toàn bộ chương trình, sách giáo khoa ở tất cả các bậc học của Việt Nam để phía Lào tham khảo và nghiên cứu trên tinh thần giúp đỡ. Dự án biên soạn Bộ Từ điển Việt - Lào, Lào - Việt và bộ Giáo trình tiếng Việt dạy cho người Lào đã hoàn thành (2011) và đã đưa vào sử dụng chính thức đầu năm học 2011-2012.

4) Hợp tác nghiên cứu khoa học. Chính phủ Việt Nam đã hỗ trợ cho Lào 3 tỉ đồng bằng vốn viện trợ không hoàn lại trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Trong những năm gần đây, các cơ sở ĐT của Việt Nam (như Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế quốc dân...) đã góp phần hợp tác với giáo dục Lào trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học với nhiều hình thức đa dạng phong phú.

5) Công tác ĐT LHS Việt Nam tại Lào. Với tinh thần hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hoá, thương mại và dịch vụ; chúng ta cần có một đội ngũ cán bộ am hiểu sâu sắc đất nước con người Lào, thông thạo ngôn ngữ Lào. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam chủ trương gửi ĐT cán bộ tại trường ĐHQG Lào. Kể từ năm 1982 tới nay đã có khoảng 500 người sang học tập tại nước bạn Lào bằng học bổng do Chính phủ Lào cấp.

6) Các hoạt động hợp tác kết nghĩa và trao đổi đoàn công tác. Cho đến nay, ngoài 10 tỉnh có biên giới giáp Lào có nhiều chương trình kết nghĩa toàn diện với Lào, một số tỉnh, thành phố cũng đã có nhiều hoạt động hợp tác hỗ trợ bạn bằng nguồn ngân sách của mình như TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Nam Định, Vĩnh Phúc, Bình Dương, Vĩnh Long... Hình thức hợp tác rất phong phú đa dạng như ĐT LHS, trao đổi

đoàn công tác học hỏi kinh nghiệm, trao đổi chuyên gia, giáo viên.

3. Nhìn nhận về kết quả ĐT NNL giúp Lào

Nhìn tổng quát, công tác ĐT đội ngũ cán bộ cho Lào đã ngày càng được tăng cường về số lượng, cải thiện về chất lượng, với các phương thức và loại hình ĐT đa dạng, phong phú đáp ứng yêu cầu đổi mới của sự nghiệp cách mạng Lào.

Sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong lĩnh vực GD-ĐT đã đem lại tác dụng lâu dài, các LHS Lào sau khi trở về nước hầu hết đã phát huy được năng lực của mình, góp phần tích cực cho sự nghiệp đổi mới, phát triển KT-XH và hội nhập của CHDCND Lào; nhiều người đã trở thành cán bộ giữ các cương vị quan trọng trong các ngành, các ban ở trung ương và địa phương hoặc trở thành các cán bộ, chuyên viên và những nhà kinh doanh có tiếng của Lào ngày nay.

Tuy nhiên, theo đánh giá của đoàn kiểm tra liên ngành Lào về chất lượng ĐT, có tới hơn 90% số LHS chỉ đạt trình độ trung bình hoặc kém; nguyên nhân chính dẫn đến kết quả học của LHS Lào còn yếu là do trình độ tiếng Việt còn yếu, trình độ học vấn cơ bản thấp hơn so với sinh viên Việt Nam.

4. Định hướng và nội dung hợp tác Việt - Lào trong lĩnh vực giáo dục phát triển NNL

1) Định hướng: Hợp tác GD-ĐT và ĐT phát triển NNL là nhiệm vụ chiến lược lâu dài giữa hai nước nhằm hình thành đội ngũ cán bộ có đầy đủ năng lực và nhận thức một cách sâu sắc về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, tạo lòng tin vững chắc lâu dài lẫn nhau, góp phần tăng cường bền vững mối quan hệ giữa hai Đảng hai Nhà nước và nhân dân hai nước.

2) Nội dung và biện pháp chủ yếu

Thực hiện hợp tác ĐT theo nhiều kênh, nhiều hình thức. Coi trọng hợp tác ĐT giữa các địa phương, các cơ sở ĐT và các doanh nghiệp nhằm xây dựng nền tảng mới cho sự phát triển NNL phục vụ cho nhu cầu hợp tác và phát triển kinh tế mỗi nước.

Thống nhất quản lý ĐT dài hạn chính quy các ngành chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật vào một đầu mối (bao gồm ĐT theo Hiệp định và hợp tác ĐT của các địa phương, doanh nghiệp) nhằm đảm bảo chất lượng ĐT và hiệu quả sử dụng sau ĐT.

Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp của Lào, trọng tâm là xây dựng đội ngũ nòng cốt cho Học viện Quản lý giáo dục Lào (mới được thành lập), ĐT giảng viên cốt cán quốc gia để sau đó tổ chức tập huấn đại trà cho đội ngũ cán bộ quản lý các

(Xem tiếp trang 49)

TDPP và TDST giúp HS cảm thụ văn chương một cách sâu sắc và sáng tạo; ngược lại, đọc văn tạo điều kiện cho TDPP, TDST của HS phát triển. Dạy HS đọc văn một cách có phê phán và sáng tạo cũng là một cách hiện thực hóa ý nghĩa của văn chương, rút ngắn khoảng cách giữa văn học nhà trường và đời sống xã hội, đời sống của cá nhân HS.

TDPP và TDST tuy có những khác biệt nhất định nhưng luôn hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau. TDPP rèn cho HS thói quen đưa ra các nhận định, đánh giá một cách cẩn trọng, trong khi TDST thôi thúc HS khám phá cái mới. Để phát triển TDPP và TDST trong cảm thụ văn chương, điều quan trọng nhất là tạo ra một không khí, môi trường học tập thuận lợi khuyến khích HS chia sẻ và thừa nhận các ý kiến, quan điểm khác nhau, xem xét các vấn đề trong văn bản từ nhiều góc độ, phù hợp với tâm đón nhận của mỗi người để tạo dựng nên một hình ảnh, một thế giới tác phẩm của chính họ. Và như vậy, mục tiêu môn học, chuẩn đánh giá kiến thức và kĩ năng, vai trò của người dạy,... cũng phải được đổi mới một cách đồng bộ. □

(1) P. A. Facione. *Think Critically*, Pearson Education: Englewood Cliffs, NJ (nguồn: <http://www.insightassessment.com/>, 2011).

(2) J. C. Forrester. **Thinking creatively; thinking critically**. *Asian Social Science*, 2008.

(3) C. Rose, M. J. Nicholl. **Kĩ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI**. NXB Tri thức, H. 2008.

(4) R. J. Sternberg. "The assessment of creativity: An Investment-Based Approach". *Creativity Research Journal*, 24/2012.

(5) M. Baker, R. Rudd. "Relationships between critical and creative thinking". *Journal of Southern Agricultural Educational Research*, 2001.

(6) L. D. Crane. **Unlocking the brain's two powerful learning systems**. *Human Intelligence Newsletter*, 1983.

(7), (8). Mohammad Khatib - Javad Mohammad Janpour. **Literary Texts and Critical Thinking**. *Advances in English Linguistics* (Vol. 1), 2012.

(9) S. Jaffar. "Teaching Critical Thinking through Literature". *Journal of Research (Faculty of Languages & Islamic Studies)* (Vol. 5). 2004.

SUMMARY

The article is aimed at clarifying the characteristics and structure of critical and creative thinking, determining differences as well as relationships between critical and creative thinking in the process of responding to the literary text.

Hợp tác Việt - Lào...

(Tiếp theo trang 10)

cấp (cấp sở, phòng giáo dục và hiệu trưởng các trường phổ thông).

Tăng cường dạy tiếng Việt tại các trường phổ thông trong hệ thống giáo dục của Lào.

Đổi mới phương pháp tuyển sinh và ĐT dự bị đại học, tiếng Việt.

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cao năng lực trường THPT Hữu nghị Lào - Việt tại thủ đô Viêng Chăn và một số trường khác tại Lào. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Báo cáo về hợp tác với Lào năm 2010, 2011* tại Hội nghị tổng kết đào tạo cho Lào, H 2012.

SUMMARY

Some general points on the results of the Vietnam - Laos cooperation in the field of education to develop human resources for the period 2011-2020 on the basis of the agreements on educational cooperation between 2 countries was signed, with the aids of Viet Nam government to Laos in order to foster cooperation on human resources development for Laos.

Mô hình đào tạo giáo viên...

(Tiếp theo trang 64)

57; 300. AACTE (American Association of Colleges for Teacher Education). *SAGE*. www.jte.sagepub.com, 2006.

4. Scannell, D. **Models of teacher education**. American Council on teacher education, 2000.

5. Sullivan, R. **The Competency-Based Approach to Training**. JHPIEGO Strategy Paper, rector, Training Office. JHPIEGO Corporation, 1995.

6. Toom, Auli et al, 2008. **Exploring the essential characteristics of research-based teacher education from the viewpoint of teacher educators**. University of Helsinki, Center for research on teaching, Finland.

SUMMARY

The essential characteristics of the competency-based preservice teacher education model are the structured educational system; outcomes-oriented; school practice-connected; learner-centred; and university-school partnerships. Those characteristics make preservice teacher education and school practices operate in a spiral of cycles, promoting their mutual improvements.